TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2018/DS-ST
Ngày: 05/12/2018
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018, về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Trần Thị Thúy E (T), sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: bà Mai Thị N, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1976

2. Anh Trần Thanh S, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: ấp W, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Nguyên đơn chị Thúy E có mặt tại phiên tòa, bị đơn bà N vắng mặt lần thứ hai không lý do. Chị Bùi Thị T, anh S có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thúy E (T) trình bày:

Trước đây vào năm 2011 chị Thúy E có tham gia hụi do bà Mai Thị N làm chủ hụi gồm:

Dây hụi 5.000.000đ khui vào 25/5/2011 âm lịch có 14 người tham gia, chị Thúy E tham gia ba phần, hai phần còn lại chị tham gia cho Bùi Thị T (chị dâu chị Thúy E), Tổng cộng là 05 phần, sau khi tham gia chị Thúy E đã hốt hụi khui lần thứ 2, thứ 3, thứ 4 số hụi chết còn lại chị không đóng lại nên bà N đã kiện chị và đã giải quyết xong bằng bản án số 35 ngày 16/7/2015. Hai phần hụi sống còn lại tham gia cho chị T trong danh sách hụi thể hiện người tham gia thứ 12 S T và 14 S (anh ruột chị) còn lại chưa hốt. Đến tháng 02/2012 âm lịch thì bà N tuyên bố úp hụi, 02 phần hụi sống chị đã đóng được 09 lần x 02 phần x 5.000.000đ/1 phần = 90.000.000đ nhưng đóng tiền hụi gốc chỉ có 63.700.000đ.

Dây hụi 3.000.000đ khui vào 05/9/2011 âm lịch có 15 người tham gia, chị tham gia 01 phần, phần còn lại chị tham gia cho chị Bùi Thị T. Tổng cộng là 02 phần nhưng cũng mang tên chị, sau khi tham gia chị đã hốt hụi lần khui thứ 2 số hụi chết còn lại chị không đóng nên bà N đã kiện chị và đã giải quyết xong bằng bản án số 35 ngày 16/7/2015. Phần hụi sống còn lại chị tham gia cho chị Bùi Thị T chưa hốt đã đóng tiền hụi được 06 lần x 01 phần = 18.000.000đ nhưng đóng tiền hụi gốc chỉ có 14.300.000đ.

Năm 2015 khi bà N kiện chị các dây hụi chết chị không đóng hụi cho bà N, do tại thời điểm đó chị để chị Bùi Thị T kiện bà N nếu bà N không trả, do thấy không liên quan đến số tiền hụi chết chị đã nợ bà N. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết chung vụ kiện giữa chị và bà N.

Đến năm 2017 bà N không trả số tiền hụi của 02 phần hụi 5.000.000đ và dây hụi 3.000.000đ nêu trên nên chị Bùi Thị T có kiện bà N, tuy nhiên bà N không thừa nhận có nợ chị Bùi Thị T, mà chỉ nợ hụi của chị mà thôi.

Tại biên bản lấy lời khai bà N ngày 16/08/2017 bà thừa nhận chị tham gia 05 phần trong dây hụi 5.000.000đ gồm thứ tự số 7,8,10,12,13, không phải thứ tự số 14 là S.

Ngày 30/10/2018 chị có đơn yêu cầu gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xin được thay đổi yêu cầu, nay chị thống nhất tại số thứ tự 13 là P T, chị không yêu cầu dây hụi thứ 14 tên S nữa.

Như vậy tổng số tiền hụi mà chị đã đóng cho bà N là 78.000.000đ, sau đó bà N đã trả được 15.000.000đ còn lại số tiền hụi 63.000.000đ. Nay yêu cầu bà N trả số tiền hụi còn nợ nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại văn bản ý kiến ngày 16/08/2018 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Mai Thị N trình bày:

Trước đây 2011 chị Thúy E có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ hụi trong đó có dây hụi gồm:

Dây hụi 5.000.000đ khui vào 25/5/2011 âm lịch có 14 người tham gia, chị Thúy E tham gia ba phần của chị Thúy E, sau khi tham gia chị Thúy E đã hốt hụi khui lần thứ 2, thứ 3, thứ 4 số hụi chết còn lại chị Thúy E không đóng nên bà đã kiện chị Thúy E ra Tòa án và đã giải quyết xong bằng bản án số 35 ngày 16/7/2015. Ngoài ra chị Thúy E không có tham gia thêm phần hụi nào hết trong dây hụi này, việc chị Thúy E trình bày tham gia hụi cho chị Bùi Thị T bà không biết. Đối với người tham gia thứ 12 là S T (Thúy E) tham gia, số 14 bà Nguyễn Thị S ở xã P tham gia.

Dây hụi 3.000.000đ khui vào 05/9/2011 âm lịch có 15 phần, lúc đầu chị Thúy E tham gia 02 phần đóng được 01 tháng thì rút lại chị Thúy E chỉ tham gia 01 phần, sau khi tham gia chị Thúy E đã hốt hụi lần khui thứ 2, số hụi chết còn lại chị Thúy E không đóng nên chị đã kiện chị Thúy E ra Tòa án và đã giải quyết xong bằng bản án số 35 ngày 16/7/2015. Việc chị Thúy E trình bày còn nợ lại 01 phần hụi sống tham gia cho bà Bùi Thị T, bà không biết và không có nợ 01 phần hụi sống trong dây hụi này.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn bà không đồng ý vì Tòa án đã giải quyết xong toàn bộ các dây hụi trên trong bản án số 35 ngày 16/7/2015 bà không có nợ tiền hụi chị Thúy E.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị T trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của chị Thúy E. Trước đây vào năm 2011 chị có tham gia hụi do bà N làm chủ. Việc tham gia hụi chị trực tiếp tham gia và đóng tiền hụi cho bà N, chồng chị là ông S có biết nhưng không có trực tiếp đóng tiền hụi cho bà N, đối với danh sách hụi ngày 25/5/2011 hụi 5.000.000 đồng thể hiện người tham gia vị trí thứ 12 có ghi tên "S T" là ghi tên chồng chị và Thúy E, đối với người tham gia vị trí thứ 14 là "S" là tên chồng chị chứ không phải bà "Nguyễn Thị S", bà Nguyễn Thị S không có tham gia trong dây hụi này. Năm 2017 chị có kiện bà N yêu cầu trả lại số tiền hụi tại hai dây hụi nêu trên là 63.000.000đ nhưng tại buổi làm việc tại Tòa án vào năm 2017 bà N trình bày chỉ thừa nhận những phần hụi này chị Thúy E tham gia chứ không phải chị nên đã rút đơn khởi kiện. Nay Thúy E khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền hụi nêu trên, chị thống nhất để cho chị Thúy E kiện bà N, chị không khởi kiện trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp giữa chị và chị Thúy E chị sẽ yêu cầu sau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh S trình bày: không tranh chấp trong vụ kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi và xin không tham gia tố tụng, xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thúy E có đơn khởi kiện đối với bà N có địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên Tòa hôm nay bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Chị Bùi Thị T, anh S có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, chị Bùi Thị T, anh S là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Thúy E khởi kiện bà N tranh chập tiền hụi còn nợ. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hụi theo Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Chị Thúy E yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho chị Thúy E số tiền hụi còn nợ gốc là 63.000.000đ. Bị đơn bà N không đồng ý theo yêu cầu của chị Thúy E vì cho rằng không có nợ chị Thúy E.

Qua thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 2011, chị Thúy E có tham gia các dây hụi do bà N làm chủ hụi là có thật, do các bên thừa nhận.

Dây hụi 5.000.000đ khui vào 25/5/2011 âm lịch có 14 người tham gia, chị Thúy E tham gia 05 phần hụi. Sau đó chị Thúy E hốt 03 phần, do không đóng hụi chết lại cho bà N nên năm 2015 bà N kiện chị Thúy E và đã được Tòa án giải quyết xong theo bản án số 35 ngày 16/7/2015. Hai phần hụi sống còn lại mang tên chị Thúy E trong danh sách hụi thì chưa được giải quyết. Năm 2017 chị Bùi Thị T kiện bà N 02 phần hụi nêu trên nhưng bà N không thừa nhận, cho rằng chị Thúy E tham gia hụi bà N, không phải chị Bùi Thị T nên chị Bùi Thị T đã rút đơn kiện bà N, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo quyết định đình chỉ số: 91/2017/QĐST-DS ngày 23/08/2017.

Tại phiên tòa chị Thúy E cho rằng hai phần hụi sống trong dây hụi 5.000.000đ còn lại trước đây chị tham gia dùm chị Bùi Thị T. Tuy nhiên tên trong danh sách là tên chị Thúy E. Người đóng hụi trực tiếp có khi chị Bùi Thị T, có khi là chị Thúy E.

[4] Ngày 30/10/2018 chị Thúy E có đơn xin thay đổi yêu cầu, do bà N thừa nhận chị tham gia 05 phần hụi gồm thứ tự số 7,8,10,12,13, không phải thứ tự số 14 là S. Nay chị thống nhất tại số thứ tự 13 là P T dây hụi còn lại chưa hốt theo lời thừa nhận bà N, không yêu cầu phần hụi thứ 14 tên S nữa, xét yêu cầu của chị Thúy E chính đáng, phù hợp nên chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 16/08/2018 và biên bản đối chất ngày 07/06/2018 bà N không thừa nhận, bà N cho rằng chị Thúy E chỉ tham gia 03 phần hụi 5.000.000đ và đã không còn nợ chị Thúy E phần hụi nào khác.

Tuy nhiên tại biên bản đối chất ngày 07/06/2018 bà N thừa nhận chị Thúy E hốt được 03 phần ở vị trí 8,10,12, đối chiếu với biên bản lấy lời khai ngày 16/08/2017 và tờ tường trình ngày 25/05/2017 (bà Bùi Thị T kiện bà N năm 2017)

bà N thừa nhận chị Thúy E tham gia 05 phần hụi theo danh sách hụi ngày 25/05/2011 có tên như sau: thứ 7 là P, thứ 8 là T1, thứ 10 là T2, thứ 12 là S T, thứ 13 là P T. Như vậy 02 phần hụi còn lại chưa hốt ở vị trí thứ 7 là P và thứ 13 P T theo danh sách hụi mà bà N thừa nhận thì xác định 02 phần hụi này chưa hốt.

Ngoài ra tại lời khai ngày 16/08/2017 và tờ tường trình ngày 25/05/2017 bà N thừa nhận chị Thúy E tham gia 05 phần hụi theo danh sách hụi ngày 25/05/2011 bao gồm các thứ tự như sau: 7, 8, 10, 12, 13 tên P, S T, P T, T1, T2. còn lại 02 phần chưa hốt nhưng đã thỏa thuận xong. Xét thấy trình bày bà N có nhiều mâu thuẫn trong lời khai. Cụ thể khi chị Bùi Thị T kiện bà N vào năm 2017 thì bà N không thừa nhận 02 phần hụi này và cho rằng chỉ nợ hụi chị Thúy E chứ không nợ hụi chị Bùi Thị T, đến khi chị Thúy E kiện bà Nga thì bà cho rằng không còn nợ chị Thúy E vì đã thỏa thuận xong giữa hụi sống và hụi chết và đã được giải quyết tại tòa vào năm 2015.

Tuy nhiên tại bản án số 35/2015/ST- DS ngày 16/7/2015 nêu trên chỉ thể hiện chị Thúy E còn nợ bà N 03 phần hụi chết còn lại chưa đóng và buộc chị Thúy E trả cho bà N, không có sự thỏa thuận cấn trừ giữa 02 phần hụi sống và 03 phần hụi chết như lời trình bày của bà N.

Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho bà N cung cấp chứng cứ để chứng minh có sự thỏa thuận giữa bà N và chị Thúy E về hụi sống và hụi chết như bà N trình bày, đến nay bà N không chứng minh được có sự thỏa thuận của 02 phần hụi còn lại nên xét ý kiến của bà N cho rằng không còn nợ chị Thúy E hai phần hụi 5.000.000đ còn lại chưa hốt là không có cơ sở.

Căn cứ lời khai ngày 16/08/2017 bà N thừa nhận phần hụi 5.000.000đ, khui ngày 25/05/2011 hụi sống đóng lại mỗi tháng là 3.500.000đ, bên cạnh đó bà N thừa nhận đến tháng 02 năm 2012 thì úp hụi. Như vậy tính từ ngày 25/05/2011 đến tháng 02 năm 2012 thì chị Thúy E đóng được 09 tháng x 3.500.000đ x 02 phần = 63.000.000đ do đó có một phần phù hợp với yêu cầu của chị Thúy E.

[5] Đối với dây hụi 3.000.000đ khui vào 05/9/2011 âm lịch có 15 người tham gia Phần hụi sống chưa hốt đã đóng tiền hụi được 06 lần x 01 phần = 18.000.000 đồng nhưng đóng tiền hụi gốc chỉ có 14.300.000đ. Chị Thúy E yêu cầu bà N trả số tiền hụi đã đóng cho bà N, bà N không thừa nhận. Tòa án đã thông báo cho chị Thúy E cung cấp chứng cứ chứng minh có tham gia dây hụi nêu trên nhưng đến nay chị không có chứng cứ chứng minh nên xét ý kiến chị Thúy E yêu cầu bà N trả số tiền hụi còn nợ 14.300.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của chị Thúy E cho rằng bà N đã trả được 15.000.000 đ. Tuy nhiên bà N không thừa nhận có trả cho chị Thúy E số tiền nêu trên. Xét thấy, tuy bà N không thừa nhận có trả số tiền trên nhưng phiên tòa hôm nay chị Thúy E khẳng định bà N có trả số tiền 15.000.000đ và đồng ý khấu trừ vào số tiền hụi mà bà N còn nợ. Xét thấy có lợi cho bị đơn nên chấp nhận ý kiến của chị Thúy E.

[7] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực

hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thúy E. Buộc bà N có trách nhiệm trả cho chị Thúy E số tiền hụi còn nợ là 48.000.000đ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định bà N còn nợ chị Thúy E số tiền hui của 02 phần hụi 5.000.000đ, số tiền hàng tháng phải đóng là 3.500.000đ x 02 phần x 09 lần đóng hụi = 63.000.000đ – 15.000.000đ (tiền bà N đã trả cho chị Thúy E) = 48.000.000đ. Buộc bà N có trách trả cho chị Thúy E số tiền nêu trên là có căn cứ.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do yêu cầu của chị Thúy E được chấp nhận một phần nên chị Thúy E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của phần không được Tòa án chấp nhận. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 479, Điều 281, Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 12 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Áp dụng Nghị định số 44/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy E đối với bà Mai Thị N.

2/- Buộc bà Mai Thị N có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Thúy E số tiền hụi còn nợ là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/- Về án phí:

- Bà Mai Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên).

- Chị Trần Thị Thúy E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 750.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000640 ngày 22/03/2018 tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Chị Trần Thị Thúy E được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000đ (Tám trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người liên quan. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Đông Cúc